

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2023/DS-ST**

Ngày: 14-8-2023

“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Phú Tra

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Ngọc Vinh;
2. Ông Lê Lương Thiện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 818/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXX-ST ngày 27/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1077/2023/QĐST-DS ngày 27/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1255/2023/QĐST-DS ngày 24/7/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng TMCP Sài Gòn T);

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266-268 N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số 1817/2023/UQ-TGD ngày 04/05/2023):* ông Thân Lê N1 – Nhân viên Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

**- Bị đơn:** Ông Đỗ Lê N, sinh năm 1982;

Địa chỉ:, Khu phố A, phường BL, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ thường trú: Tổ D, Ấp A, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông N vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 04/09/2010, ông Đỗ Lê N có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Gold 472075 – 7582 với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 05/03/2013 ông N có đăng ký thêm thẻ Family Local Credit 970403 – 8932 với hạn mức sử dụng chung là 50,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 334,738,536 đồng (trong đó, thẻ tín dụng Visa Credit Gold 472075 – 7582 là 226,738,536 đồng và thẻ Family Local Credit 970403 – 8932 là 108,000,000 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 326,472,849 đồng (trong đó, thẻ tín dụng Visa Credit Gold 472075 – 7582 là 223,168,345 đồng và thẻ Family Local Credit 970403 – 8932 là 103,304,504 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/06/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 57,815,148 đồng sang nợ quá hạn, làm nợ gốc (trong đó, thẻ tín dụng Visa Credit Gold 472075 – 7582 nợ gốc là 47,686,750 đồng và thẻ Family Local Credit 970403 – 8932 nợ gốc là 10,128,398 đồng). (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 14/8/2023, ông N còn nợ tổng số tiền 271,317,968 đồng bao gồm gốc, lãi.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, nguyên đơn kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

+ Buộc ông Đỗ Lê N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/8/2023 là tiền 271,317,968 đồng trong đó:

Dư nợ gốc: 57,815,148 đồng

Lãi quá hạn: 213,502,820 đồng

+ Buộc ông Đỗ Lê N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) như nguyên đơn trình bày là đúng, việc ký kết hợp đồng tuân thủ đúng pháp luật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thỏa thuận theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng là có căn cứ. Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện ông Đỗ Lê N về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi phát sinh trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015 xác định Ngân hàng TMCP Sài Gòn T là nguyên đơn; ông Đỗ Lê N là bị đơn. Căn cứ khoản 14, 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng thẻ hiện bị đơn ông Đỗ Lê N có địa chỉ tại số: 18E2, Khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (bút lục 48). Nguyên đơn có đơn lựa chọn Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà giải quyết vụ án vì Hợp đồng được thực hiện tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đồng Nai, có địa chỉ tại thành phố Biên Hoà. Hơn nữa, vụ đã được chuyển cho Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu chuyển trả hồ sơ cho Toà án thành phố Biên Hoà vì cho rằng không thuộc thẩm quyền của mình. Để giải quyết vụ án dứt điểm, tránh kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng khác: Ông Đỗ Lê N đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 02 các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa; đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 04/9/2010, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có cấp tín dụng cho ông Đỗ Lê N theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của bị đơn, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Gold 472075 – 7582 với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng. Sau đó, đến ngày 05/03/2013 ông Đỗ Lê N có đăng ký thêm thẻ Family Local Credit 970403 – 8932 với hạn mức sử dụng chung là 50,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Hội đồng xét xử thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ quy định của pháp luật về hình thức và nội dung, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao dịch.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thẻ hiện, từ khi mở thẻ đến hiện tại, ông N đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 326,472,849 đồng (trong đó, thẻ tín dụng Visa Credit Gold

472075 – 7582 là 223,168,345 đồng và thẻ Family Local Credit 970403 – 8932 là 103,304,504 đồng). Nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn. Vì vậy, ngày 23/06/2014, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 57,815,148 đồng sang nợ quá hạn, làm nợ gốc (trong đó, thẻ tín dụng Visa Credit Gold 472075 – 7582 nợ gốc là 47,686,750 đồng và thẻ Family Local Credit 970403 – 8932 nợ gốc là 10,128,398 đồng) theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ. Do ông bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Lê N trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử (14/8/2023) là: 271,317,968 đồng (trong đó: dư nợ gốc: 57,815,148 đồng; lãi quá hạn: 213,502,820 đồng) là có căn cứ chấp nhận. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để làm việc, cung cấp lời khai, cung cấp chứng cứ, yêu cầu phản tố (nếu có) nhằm bảo vệ cho quyền lợi hợp pháp của bị đơn, nhưng ông N vắng mặt là từ bỏ quyền của mình.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4]. Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 144, 147, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 274, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 401, 468 và **điểm b khoản 1 Điều 688** Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90, 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đối với bị đơn ông Đỗ Lê N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1 Buộc ông Đỗ Lê N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/8/2023 là: 271,317,968 đồng (bằng chữ: Hai trăm bảy mươi một triệu, ba trăm mười bảy ngàn, chín trăm sáu mươi tám đồng).

1.2 Buộc ông Đỗ Lê N phải trả nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 15/8/2023 cho đến khi khoản vay được thanh toán toàn bộ, lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Đỗ Lê N phải chịu 13,566,000 đồng (mười ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí là 4,523,000 đồng theo biên lai thu số 0008111 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Mẫu 52-NQ 01/2017.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Phú Tra**